

QUAN HỆ TỘC NGƯỜI KHMER XUYÊN QUỐC GIA Ở CÁC TỈNH VÙNG NAM BỘ HIỆN NAY

HOÀNG MẠNH TƯỜNG^(*)

Ngày nhận bài: 17/3/2024

Ngày thẩm định: 24/3/2024

Ngày duyệt đăng: 20/8/2024

Tóm tắt: *Quan hệ tộc người xuyên quốc gia là mối quan hệ đồng tộc hoặc khác tộc với quốc gia khác nên luôn gắn với vấn đề an ninh chính trị và chủ quyền quốc gia. Đây là vấn đề có diễn biến phức tạp, cần giải quyết tốt nếu không sẽ ảnh hưởng đến việc bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia của Việt Nam. Bài viết phân tích thực trạng quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia từ thực tiễn nghiên cứu tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang. Từ đó, đề xuất giải pháp nhằm giải quyết tốt mối quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia, góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay.*

Từ khóa: *Khmer; Nam Bộ; quan hệ tộc người; xuyên quốc gia*

1. Đặt vấn đề
Dân tộc Khmer là một trong 54 dân tộc ở Việt Nam, di cư đến vùng đất Nam Bộ từ rất sớm. Theo kết quả điều tra về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019, dân số Khmer có 1.313.718 người⁽¹⁾. Cộng đồng người Khmer sống tập trung chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Tây Ninh, Bình Dương, Bình Phước, Trà Vinh, Sóc Trăng, Kiên Giang, An Giang. Họ cư trú thành các xóm, thôn (phum, sóc). Riêng ở Thành phố Hồ Chí Minh, người Khmer không cư trú tập trung thành cộng đồng, mà sống rải rác, xen kẽ với các dân tộc khác ở hầu khắp các quận, huyện nên không thể hình thành phum, sóc như những nơi khác.

Người Khmer ở vùng Nam Bộ và người Khmer ở Campuchia là những người đồng

tộc, có cùng nguồn gốc lịch sử, chung ngôn ngữ và có sự đồng nhất về mặt văn hóa, tín ngưỡng. Chính vì vậy, mối quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia với người Khmer ở Campuchia là một điều tất yếu, diễn ra khá thường xuyên và bền chặt, qua đó góp phần xây dựng tình đoàn kết giữa Việt Nam và Campuchia. Tuy nhiên, cũng chính từ mối quan hệ tất yếu này đã, đang và sẽ ảnh hưởng lớn đến việc bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia của Việt Nam. Để có cơ sở giải quyết tốt mối quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia ở các tỉnh vùng Nam Bộ, bài viết dựa trên kết quả khảo sát về một số mối quan hệ điển hình của tộc người Khmer tại bốn huyện biên giới của tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang trong năm 2023.

2. Tình hình quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia ở các tỉnh Nam Bộ

Thứ nhất, quan hệ trong lĩnh vực kinh tế

Quan hệ kinh tế xuyên quốc gia của tộc người Khmer ở các tỉnh vùng Nam Bộ diễn

^(*) TS, Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ra từ rất sớm, trước khi mối quan hệ giữa hai quốc gia được thiết lập thể hiện thông qua hoạt động giao thương buôn bán; lao động - việc làm và hỗ trợ kinh tế, tài chính của người Khmer vùng Nam Bộ với thân tộc bên phía nước bạn Campuchia.

- *Trao đổi buôn bán giữa tộc người Khmer của hai nước.* Các hoạt động trao đổi buôn bán của tộc người Khmer trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang rất phong phú, đa dạng, từ hoạt động kinh tế chính ngạch, tiểu ngạch đến các hoạt động kinh tế tự phát ở hai bên biên giới. Tỉnh Tây Ninh với 240 km đường biên giới giáp với Vương quốc Campuchia, có 02 cửa khẩu quốc tế (Mộc Bài, Xa Mát), 03 cửa khẩu chính (Kà Tum, Chàng Riệc, Phước Tân), 01 cửa khẩu phụ (Vạc Sa). Các mặt hàng chủ yếu của cư dân tỉnh Tây Ninh buôn bán sang phía Campuchia là thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu dệt, dầu động vật, thực vật, mì ăn liền, các sản phẩm bằng cao su, sản phẩm nhựa, bột giặt, pin, mỹ phẩm, vật liệu xây dựng, thuốc trừ sâu, phân bón,... Các mặt hàng của cư dân Campuchia buôn bán, trao đổi sang tỉnh Tây Ninh chủ yếu là các sản phẩm chăn nuôi, các mặt hàng trong nông nghiệp và cây công nghiệp, như mủ cao su, mía, củ sắn tươi, sắn lát khô, đỗ tương, hạt điều nguyên liệu, gỗ cao su xẻ đã qua sơ chế,... Đây là các mặt hàng từ nguyên liệu thô phục vụ sản xuất, chế biến ở tỉnh Tây Ninh. Cư dân biên giới ở Campuchia cũng thường xuyên qua tỉnh Tây Ninh mua các loại hàng thiết yếu, như đồ gia dụng, quần áo, thực phẩm,...

Tỉnh An Giang có đường biên giới dài gần 100 km, với 05 huyện, thị xã giáp với hai tỉnh Kandal và Takeo của nước bạn Campuchia. Tỉnh có 02 cửa khẩu quốc tế là Tịnh Biên (thuộc huyện Tịnh Biên), Vĩnh Xương (thuộc thị xã Tân Châu) và 01 cửa khẩu quốc gia Khánh Bình (thuộc huyện An Phú). So với khu vực nội địa thì hoạt động kinh tế của người Khmer tại các vùng biên giới tỉnh An Giang đa dạng, tập nập hơn.

Kết quả nghiên cứu tại tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang cho thấy, việc buôn bán qua lại của người Khmer với đồng tộc nước bạn chỉ dừng lại ở việc trao đổi nhỏ lẻ, qua các đường mòn, lối mờ theo hình thức miễn thuế. Đây là hình thức trao đổi mua, bán chỉ dành riêng cho cư dân vùng biên giới, trong đó có người Khmer theo quy định của Chính phủ Việt Nam và Campuchia⁽²⁾. Kết quả khảo sát 300 người Khmer tại hai tỉnh cho thấy, có 8,3% số người Khmer có người buôn bán qua cửa khẩu. Khi được hỏi về những thuận lợi trong quá trình buôn bán hàng hóa với Campuchia, kết quả cho thấy, có 26,7% người được hỏi cho rằng, do chính quyền địa phương/cửa khẩu đã tạo điều kiện tốt; 24% ý kiến cho rằng, do đường xá đi lại thuận tiện; 24% ý kiến cho rằng do giá cả các mặt hàng tốt; 12% ý kiến lựa chọn do nguồn hàng phong phú, nguồn khách hàng đa dạng và tạo thu nhập tốt cũng được đánh giá là những yếu tố tạo thuận lợi, có tỷ lệ không đáng kể (5,3%, 8%)⁽³⁾.

- *Quan hệ trong lĩnh vực lao động - việc làm.* Trước đây, hoạt động kinh tế của người Khmer chủ yếu là nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Nhưng, hiện nay, do sự phát triển kinh tế, người Khmer còn có những công việc khác có thu nhập tốt và ổn định hơn, tạo điều kiện để người Khmer hai bên qua lại làm việc. Kết quả khảo sát cho thấy, tại tỉnh Tây Ninh, do có nhiều nhà máy, xí nghiệp và Khu công nghiệp Trảng Bàng nên đã tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, nhiều người Khmer trên địa bàn làm công nhân tại các nhà máy, xí nghiệp, hoặc làm thời vụ, như trồng mì, trồng mía, nhổ mì hay cạo mủ cao su,... Ngược lại, các xã vùng biên giới bên Campuchia không có nhà máy, xí nghiệp, nên nhiều lao động người Khmer, hằng ngày, phải qua Việt Nam để làm việc, tập trung chủ yếu tại các xưởng cưa, xí nghiệp do người Kinh làm chủ, hoặc làm nông nghiệp thời vụ. Địa bàn hai xã giáp biên gần nhau khoảng 6 km nên lao động người Campuchia qua Việt Nam làm thường đi về trong ngày. Họ qua lại nhiều hơn vào những tháng thu hoạch các sản phẩm nông nghiệp.

Tại tỉnh An Giang, kết quả khảo sát cho thấy, lao động người Khmer ở Việt Nam qua Campuchia chủ yếu là những người có trình độ trong các lĩnh vực, như kỹ thuật, y tế, xây dựng,... được các công ty của Việt Nam có trụ sở tại Campuchia tuyển dụng. Trong khi đó, lao động từ Campuchia qua Việt Nam (do hạn chế về tiếng Việt) chủ yếu làm bốc vác thuê tại cửa khẩu, không thể làm việc được ở các công ty của Việt Nam.

Theo kết quả nghiên cứu, trước đây, người Khmer ở Việt Nam thường xuyên qua Campuchia thuê đất để sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, sau đại dịch COVID-19, việc đi lại khó khăn hơn, người dân Campuchia lấy lại đất để trồng trọt, giá thuê đất cao hơn trước nên người Khmer không còn mặn mà với việc sang Campuchia thuê đất canh tác. Bên cạnh đó, nhiều công ty bên Campuchia đóng cửa, không có việc làm nên người Khmer từ Việt Nam sang Campuchia làm việc giảm, thay vào đó lao động từ Campuchia qua Việt Nam làm việc tăng lên.

Thứ hai, quan hệ trong lĩnh vực xã hội

Quan hệ xuyên biên giới của tộc người Khmer Nam Bộ trong lĩnh vực xã hội thể hiện chủ yếu ở một số vấn đề về nguồn gốc gia đình, hôn nhân, giáo dục và y tế.

- *Về nguồn gốc gia đình.* Kết quả khảo sát ở tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang cho thấy, 100% người Khmer ở tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc gia đình từ Campuchia, ở tỉnh An Giang chỉ 08% người Khmer có nguồn gốc gia đình từ Campuchia và 92% có nguồn gốc gia đình từ Việt Nam⁽⁴⁾. Như vậy, đây là sự khác biệt rõ rệt về lịch sử tộc người Khmer ở tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang. Mọi quan hệ hôn nhân đồng tộc giữa hai bên đều được người Khmer hai quốc gia quan tâm thực hiện, duy trì để gìn giữ ngôn ngữ mẹ đẻ.

- *Quan hệ hôn nhân xuyên quốc gia của người Khmer.* Quan hệ hôn nhân giữa người Khmer ở tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang với đồng tộc ở Campuchia diễn ra khá phổ biến. Chính mối quan hệ kinh tế, tôn giáo và văn hóa đã tạo thuận lợi cho các cuộc hôn nhân này. Đa số các cuộc

hôn nhân này sinh trong quá trình làm thuê, buôn bán ở Campuchia⁽⁵⁾. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ở tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang, chủ yếu người Khmer từ Campuchia qua Việt Nam lấy vợ, lấy chồng. Bởi vì, theo họ, điều kiện kinh tế ở Việt Nam tốt hơn Campuchia. Hiện nay, chính sách kết hôn với người nước ngoài được quy định khá cụ thể, rõ ràng nên hôn nhân đồng tộc giữa hai quốc gia có xu hướng gia tăng.

- *Quan hệ trong lĩnh vực giáo dục.* Theo kết quả nghiên cứu, con em của các gia đình Khmer có quan hệ hôn nhân xuyên quốc gia có hai lựa chọn để học, tùy theo điều kiện hoàn cảnh của mỗi hộ gia đình người Khmer mà đưa trẻ sẽ theo học bên Campuchia hoặc Việt Nam. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu tại hai tỉnh cho thấy, đa số trẻ em trong các hộ gia đình có quan hệ hôn nhân xuyên quốc gia sẽ chọn học tập tại Việt Nam, vì điều kiện học tập bên Việt Nam tốt hơn bên nước bạn. Hiện nay, ở Việt Nam, vùng có đông đồng bào Khmer sinh sống, các em học sinh sẽ được học ngôn ngữ mẹ đẻ đến hết lớp 5. Ngoài ra, các chùa Khmer cũng thường tổ chức dạy ngôn ngữ cho con em dân tộc mình vào các dịp hè.

- *Quan hệ trong lĩnh vực y tế.* Kết quả nghiên cứu cho thấy, trên địa bàn có đường biên giới dài, hệ thống cửa khẩu phát triển mạnh, có nhiều cửa khẩu quốc tế, quốc gia tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân hai bên biên giới qua lại khám, chữa bệnh. Bên cạnh đó, Chính phủ Việt Nam và chính quyền các cấp đã cho xây mới, nâng cấp nhiều cơ sở khám, chữa bệnh gần khu vực biên giới để phục vụ cho người dân Việt Nam và Campuchia. Vì vậy, hằng năm có rất nhiều người Khmer Campuchia sang Việt Nam khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

Thứ ba, quan hệ trong lĩnh vực văn hóa

Đại bộ phận người Khmer theo Phật giáo Nam tông, lấy ngôi chùa làm nơi sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo để đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần và tâm linh. Phật giáo Nam tông từ lâu đã trở thành giá trị tinh thần vô giá của dân tộc Khmer, là sợi dây kết nối tộc người Khmer với các quốc gia khác. Trong đời sống tâm linh

của người Khmer, lễ hội là một phần không thể thiếu và thường gắn với tín ngưỡng dân gian và các lễ nghi tôn giáo. Hằng năm, người Khmer có hơn 30 lễ lớn, nhỏ, như Chôl Chnam Thmay (Lễ Vào năm mới), Ook Om Bok (Lễ Đút cơm dẹp), Sen Dolta (Lễ Cúng ông bà), Meka Bauchia (Lễ Đức Phật), Visak Bauchia (Lễ Phật đàn), Chol Vosa (Lễ Nhập hạ), Chan Vosa (Lễ Ra hạ), Kathina (Lễ Dâng y), Bon Phka (Lễ Dâng bông), Bon Putthea Phi Sek (Lễ An vị Phật), Bon Seyma (Lễ Kiết giới)⁽⁶⁾. Thông qua các hoạt động tôn giáo và lễ hội truyền thống, cộng đồng người ở các quốc gia khác nhau có điều kiện gặp gỡ, thăm hỏi, đồng thời là dịp để trai, gái người Khmer hai bên biên giới tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Kết quả nghiên cứu tại tỉnh Tây Ninh và tỉnh An Giang cho thấy, ngoài hoạt động gặp gỡ, thăm hỏi và cùng nhau tham dự các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội chung, thì cộng đồng người Khmer ở Việt Nam còn nhận được nhiều sự tài trợ về tài chính, vật chất để phục vụ cho các hoạt động này⁽⁷⁾. Trong số 100 hộ người Khmer thì có 26 hộ có người sang Campuchia đi chùa. Nếu tính số người Khmer sang Campuchia để đi chùa, thăm viếng họ hàng, tham gia lễ hội,... thì có đến 72 hộ, với 164 người đã từng sang Campuchia⁽⁸⁾.

Ở góc độ quan hệ tộc người, quan hệ trong lĩnh vực văn hóa xuyên quốc gia của tộc người Khmer đã góp phần quảng bá chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trong tình hình mới, xây dựng tình đoàn kết giữa Việt Nam và Campuchia cũng như xây dựng đường biên giới Việt Nam - Campuchia ổn định, hòa bình và hữu nghị. Tuy nhiên, thời gian qua, một số phần tử phản động cực đoan đã lợi dụng mối quan hệ này để tài trợ kinh phí, móc nối với một số phật tử Khmer trẻ tuổi đi du học ở nước ngoài và một số tổ chức phản động thuộc hội nhóm Khmer Krôm ở Campuchia (hiện nay là “Hội Sư sãi Khmer Campuchia Krôm”, “Mặt trận Giải phóng dân tộc Campuchia Krôm”, “Ủy ban Điều phối Khmer Campuchia Krôm”) để xây dựng “ngọn cờ” nhằm lôi kéo, tập hợp

sư sãi, phật tử Khmer kích động biểu tình, gây rối, phản đối chủ trương của địa phương như vụ: tượng Phật cổ ở tỉnh Bạc Liêu, trùng tu Ao Bà Om, phá công chào ở tỉnh Trà Vinh,... Theo số liệu báo cáo của các địa phương, hiện nay, có trên 1.000 sư sãi Khmer đi tu học nước ngoài; trong đó, có 66 trường hợp bị tổ chức phản động lưu vong KKK (Khmer Kampuchia Krôm) đưa đi huấn luyện, đào tạo⁽⁹⁾. Đây chính là âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch lợi dụng quan hệ tộc người Khmer trong lĩnh vực văn hóa để lôi kéo, phát triển lực lượng chống Đảng và Nhà nước ta hiện nay.

Như vậy, từ kết quả nghiên cứu về tình hình quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia ở các tỉnh Nam Bộ hiện nay cho thấy, quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia nói chung và tộc người Khmer ở các tỉnh Nam Bộ nói riêng có những chuyển biến đáng kể, phát triển và gắn kết hơn. Đây không chỉ là quan hệ đồng tộc, thân tộc bên kia biên giới, mà họ còn có nhiều mối quan hệ ở các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế,... Các mối quan hệ này đã khiến cho mạng lưới xã hội người Khmer ngày càng phong phú, đem lại sự hòa hợp về đời sống vật chất, ngôn ngữ, là cơ hội để những người đồng tộc và khác tộc ở hai bên biên giới mở rộng giao lưu văn hóa, phát huy tinh đoàn kết hữu nghị, bảo vệ đường biên, giữ vững tài sản và an ninh biên giới.

Tuy nhiên, các mối quan hệ xuyên biên giới của người Khmer ở các tỉnh Nam Bộ cũng đang đặt ra nhiều vấn đề phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về an ninh, như gia tăng các hoạt động vận chuyển, buôn bán ma túy, vũ khí, buôn lậu...; việc qua lại lao động tự do cũng phát sinh những bất ổn xã hội cần được kiểm soát chặt chẽ. Tình trạng quan hệ hôn nhân xuyên biên giới của tộc người Khmer ở vùng Tây Nam Bộ theo tập quán cũng gây ra những khó khăn, phức tạp nhất định đối với chính quyền địa phương trong việc quản lý hành chính, giải quyết lao động - việc làm, ổn định đời sống, thực hiện và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Một số giải pháp giải quyết tốt mối quan hệ tộc người Khmer xuyên biên giới ở các tỉnh vùng Nam Bộ thời gian tới

Một là, nâng cao nhận thức về vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc xuyên quốc gia ở vùng đồng bào Khmer

Vấn đề dân tộc Khmer và quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia ở các tỉnh vùng Nam Bộ có tầm quan trọng đặc biệt trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và môi trường sinh thái trước mắt và lâu dài. Việc ổn định và phát triển vùng đồng bào dân tộc Khmer phải đặt trong tổng thể chung của cả nước. Vì vậy, trước hết phải nâng cao nhận thức cho các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân về vấn đề này, tăng cường giáo dục ý thức về chủ quyền lãnh thổ quốc gia cho đồng bào dân tộc Khmer ở vùng Nam Bộ. Thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân ở khu vực biên giới nói chung, đồng bào dân tộc Khmer nói riêng về lòng tự hào dân tộc, truyền thống yêu nước, trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc, chủ quyền, an ninh quốc gia. Đồng thời, tuyên truyền để nhân dân hai bên biên giới nhận rõ âm mưu của các thế lực thù địch, phản động lợi dụng quan hệ dân tộc, thân tộc hai bên biên giới để hoạt động chống phá, chia rẽ đoàn kết. Vận động đồng bào thực hiện tốt mối quan hệ hòa bình, hữu nghị, giữ vững chủ quyền lãnh thổ; tham gia xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác với nước láng giềng; chú trọng thực hiện, nhân rộng phong trào kết nghĩa hai bên biên giới.

Hai là, thực hiện tốt chính sách dân tộc quản lý các mối quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia

Thực hiện tốt chính sách dân tộc là cơ sở để củng cố niềm tin, lòng yêu nước, tăng cường sự bền vững của mối quan hệ giữa các tộc người ở Việt Nam đối với sự phát triển của đất nước, để từ đó đồng bào thực hiện đúng pháp luật trong quá trình quan hệ dân tộc, thân tộc. Cần tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác ở vùng đồng

bào dân tộc Khmer trong tình hình mới. Đây mạnh tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò của người có uy tín trong dân tộc, chức sắc tôn giáo, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh. Thực hiện tốt công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, lồng ghép tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số hiểu rõ đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch liên quan đến vấn đề dân tộc, tôn giáo. Tổ chức triển khai tốt chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước và các địa phương. Tham mưu, đề xuất chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc Khmer phải xuất phát từ nguyện vọng nhu cầu thực tế, phong tục, tập quán để chăm lo phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh chính trị trên địa bàn vùng dân tộc. Tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 của Quốc hội phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.

Ba là, xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ phù hợp với các điều kiện đặc thù của đồng bào dân tộc Khmer

Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khmer phải gắn với xây dựng, củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, trước hết là hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm gần dân, thực sự gắn với dân. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết những vấn đề cấp thiết về đất đai, việc làm, đời sống nhân dân, nhất là khu vực vùng sâu, vùng biên giới, nơi có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh phù hợp với điều kiện đồng bào dân tộc Khmer, trên cơ sở bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc. Xây dựng đội ngũ cán bộ xã, phum, sóc vùng đồng bào dân tộc Khmer có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ

chuyên môn, năng lực vận động quần chúng. Coi trọng và phát huy tốt vai trò của thiết chế phum, sóc; đề cao vai trò của người có uy tín trong cộng đồng, chức sắc, chức việc trong chùa Khmer trong việc tạo lập và thực thi chính sách; đề cao kinh nghiệm của đồng bào Khmer trong việc lựa chọn người có uy tín.

Bốn là, tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bào dân tộc Khmer

Tăng cường đầu tư của Nhà nước, đổi mới cơ cấu và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đưa nông, lâm nghiệp lên sản xuất hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến thị trường trong và ngoài nước; tăng nhanh giá trị trên một đơn vị diện tích; tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ; tích cực đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, bảo đảm hiệu quả và tính cạnh tranh cao. Tranh thủ vốn đầu tư nước ngoài vào địa phương có đồng bào Khmer phải được thực hiện phù hợp với quy hoạch chung, chú ý yêu cầu bảo đảm an ninh - quốc phòng.

Năm là, tạo điều kiện thuận lợi cho các xã, huyện, đồn biên phòng hai bên biên giới gặp gỡ, trao đổi thông tin định kỳ để nắm bắt và giải quyết những bất đồng của nhân dân hai nước một cách kịp thời

Cấp ủy, chính quyền hai nước phải nắm rõ tình hình đời sống kinh tế, chính trị và những nhu cầu bức thiết của nhân dân trên địa bàn biên giới và địa bàn có đồng bào Khmer sinh sống, kê cả các địa phương phía Campuchia, từ đó, dự báo chính xác nhằm định hướng cho mối quan hệ xuyên biên giới của cư dân, góp phần giữ vững đường biên giới hòa bình, hợp tác và phát triển. Lực lượng bộ đội biên phòng, công an cần sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để nắm chắc, phân loại các mối quan hệ dân tộc, thân tộc nhằm giải quyết nhanh chóng, thuận lợi việc qua lại hai bên biên giới để nhân dân thăm thân, gắn bó tình cảm dân tộc, dòng họ, tình cảm quốc tế, tăng cường quản lý hộ tịch, hộ khẩu, vấn đề di dân tự do, vượt biên trái phép qua biên giới; phối hợp với cơ quan chức năng của nước bạn ngăn chặn hoạt động của những phần tử xấu lợi

dụng mối quan hệ tộc người, thân tộc để chống phá cách mạng mỗi nước.

Sáu là, tăng cường công tác đối ngoại, phối hợp với nước láng giềng trong quản lý quan hệ dân tộc, biên giới, bảo đảm an ninh quốc gia

Chính phủ của hai quốc gia nên tổ chức các cuộc hội đàm và hợp tác đa phương để thảo luận về các vấn đề liên quan đến biên giới, an ninh và quan hệ giữa các cộng đồng dân tộc. Mục đích để thúc đẩy hiểu biết và tạo cơ hội giải quyết mọi khác biệt thông qua việc mở rộng đối thoại và đàm phán. Tiếp theo, phát triển và xây dựng các chương trình hợp tác về an sinh xã hội, kinh tế và văn hóa trong khu vực để tăng cường sự liên kết giữa các quốc gia láng giềng. Ký kết và thực hiện các hiệp định quốc tế về quản lý biên giới và an ninh để bảo đảm hòa bình và ổn định trong khu vực. Xây dựng cơ sở dữ liệu và cơ chế chia sẻ thông tin an ninh để ngăn chặn tội phạm và hoạt động đe dọa an ninh quốc gia □

(1) Tổng hợp kết quả điều tra thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2019, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội, 2019, tr.135

(2) Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới

(3) và (4) Kết quả khảo sát về quan hệ tộc người Khmer xuyên quốc gia ở các tỉnh Nam Bộ tháng 7, 12/2023

(5) Vương Xuân Tình - Vũ Đình Mười (Đồng chủ biên), *Quan hệ tộc người xuyên quốc gia* (Nghiên cứu tại vùng Nam Bộ), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2016

(6) TS. Nguyễn Thị Huệ, Đề tài *Những vấn đề cơ bản và cấp bách trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Việt Nam hiện nay*, Trường Đại học Trà Vinh, năm 2020

(7) Võ Công Nguyễn, *Quan hệ đồng tộc xuyên biên giới của một số tộc người thiểu số ở tỉnh Bình Phước và tỉnh Tây Ninh*, Đề tài khoa học công nghệ cấp viện, 2017

(8) ThS. Lý Văn Ngoan, *Quan hệ xuyên biên giới với việc bảo đảm quốc phòng, an ninh (nghiên cứu thực tiễn tỉnh Tây Ninh)*, Tạp chí Lý luận chính trị, số 5/2021

(9) ThS. Thạch Phước Bình, *Một số biện pháp đấu tranh chống lợi dụng vấn đề dân tộc Khmer chống phá cách mạng nước ta trên địa bàn các tỉnh Tây Nam Bộ*, <http://tapchiquptd.vn>, ngày 20/02/2020